**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**SỞ Y TẾ**

**CẨM NANG**

**GIẢI ĐÁP KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC LĨNH VỰC**

**BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ PHÒNG BỆNH TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP**

***Thanh Hóa, tháng 9 năm 2025***

**PHẦN 1. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI**

**I. NỘI DUNG CÂU HỎI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VỀ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT**

**1. Nội dung câu hỏi:** Thành viên của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã bao gồm những thành phần nào? Chủ tịch UBND cấp xã có ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng xác định mức độ khuyết tật được không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

- Về thành phần của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã:

Căn cứ khoản 2, Điều 16 Luật Người khuyết tật quy định về Hội đồng xác định mức độ khuyết tật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn *(gọi tắt là cấp xã)* quyết định thành lập gồm các thành viên sau: “2. Hội đồng xác định mức độ khuyết tật bao gồm các thành viên sau đây: a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng; b) Trạm trưởng Trạm y tế cấp xã; c) Công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội; d) Người đứng đầu hoặc cấp phó của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh cấp xã; đ) Người đứng đầu tổ chức của người khuyết tật cấp xã nơi có tổ chức của người khuyết tật”.

- Về việc phân công hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng xác định mức độ khuyết tật là thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã *(Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ của UBND cấp xã để thực hiện theo quy định).*

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện: Công văn số 4360/SYT-BTXHTE ngày 21/7/2025 của Sở Y tế về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách TGXH khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số: 5121/SYT-BTXHTE ngày 13/8/2025 của Sở Y tế về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã;

**2. Nội dung câu hỏi:** Thành viên của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật quy định trong Luật Người khuyết tật là công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội nay thay bằng 02 thành viên *(01 Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phụ trách lĩnh vực bảo trợ xã hội và 01 công chức phụ trách lĩnh vực bảo trợ xã hội)* được không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

- Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 của Luật Người khuyết tật thành viên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, trong đó có thành viên là Công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội.

- Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Uỷ ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Điều 4 Thông tư 20/2025/TT-BYT ngày 23/6/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Phòng Văn hóa - Xã hội có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực y tế (bảo trợ xã hội), Phòng gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và chuyên viên văn hóa xã hội thực hiện các nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ về bảo trợ xã hội.

Căn cứ quy định nêu trên, việc thay công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội bằng 02 thành viên *(01 lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phụ trách lĩnh vực bảo trợ xã hội và 01 công chức phụ trách lĩnh vực bảo trợ xã hội)* thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện: Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế) đã ban hành Công văn số 624/BTXH-NKT ngày 25/7/2025 về việc hướng dẫn thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã sau sắp xếp chính quyền 02 cấp.

**3. Nội dung câu hỏi:** Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, xã mới thành lập có từ 04-10 Trạm trưởng Trạm y tế. Vậy đưa vào thành viên Hội đồng XĐMĐKT như thế nào cho hợp lý?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

- Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8, Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23/6/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *“Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chuyển Trung tâm Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay về Sở Y tế quản lý để tổ chức cung ướng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường; tiếp tục duy trì các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, các phòng khám đa khoa khu vực (nếu có) thuộc Trung tâm Y tế hiện nay hoặc sắp xếp các Trạm Y tế tại cấp xã cũ thành một Trạm y tế tại cấp xã mới và có điểm Y tế tại các xã cũ để phụ vụ người dân cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ Y tế”.*

Căn cứ quy định nêu trên, việc giao Trưởng trạm y tế tham gia là thành viên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Để thuận lợi cho hoạt động và công tác xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng nên lựa chọn 01 đồng chí Trưởng trạm y tế *(trong số các trưởng trạm y tế trên địa bàn xã, phường)* làm Phó chủ tịch Hội đồng hoặc tổ trưởng/trưởng nhóm chuyên môn để chủ trì tham mưu về việc đánh giá, cho ý kiến, thống nhất kết luận về tình trạng bệnh tật, dạng tật, mức độ khuyết tật khi kiểm tra, rà soát, xác định dạng tật, mức độ khuyết tật của người khuyết tật.

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện: Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế) đã ban hành Công văn số 624/BTXH-NKT ngày 25/7/2025 về việc hướng dẫn thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã sau sắp xếp chính quyền 02 cấp.

**4. Nội dung câu hỏi:** Hiện nay, việc xác định mức độ khuyết tật đối với các trường hợp bị bệnh hiểm nghèo *(Bệnh K, suy thận, tim,* ...) còn chưa đồng nhất tại các địa phương? khó khăn cho việc xác định mức độ khuyết tật và thực hiện chính sách cho đối tượng?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

- Theo khoản 1 Điều 2 Luật Người khuyết tật quy định: *“Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn”.*

- Hiện nay, việc xác định mức độ khuyết tật đối với NKT được thực hiện theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH; theo đó, tại Điều 3 quy định: Phương pháp xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật:

*“1. Phương pháp xác định mức độ khuyết tật thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Người khuyết tật. Hội đồng quan sát trực tiếp người khuyết tật, thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí về y tế, xã hội quy định tại Phiếu xác định mức độ khuyết tật ban hành kèm theo Thông tư này và các phương pháp đơn giản khác để xác định dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật đối với từng người khuyết tật.*

*2. Xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với trẻ em dưới 6 tuổi*

*Hội đồng căn cứ hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật, sử dụng phương pháp xác định mức độ khuyết tật quy định tại khoản 1 Điều này; phỏng vấn người đại diện hợp pháp của trẻ em và sử dụng “Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với trẻ em dưới 6 tuổi” theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này để xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.*

*3. Xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên:*

*Hội đồng căn cứ hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật, sử dụng phương pháp xác định mức độ khuyết tật quy định tại khoản 1 Điều này, phỏng vấn người được xác định mức độ khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật và sử dụng “Phiếu xác định mức độ khuyết tật đối với người từ đủ 6 tuổi trở lên” theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này để xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật”.*

Do vậy, đối với các bệnh hiểm nghèo *(hiện nay, chưa có danh mục các bệnh hiểm nghèo làm căn cứ xác định mức độ khuyết tật)* nên HĐXĐMĐKT cấp xã sẽ quan sát trực tiếp người khuyết tật, thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí về y tế, xã hội quy định tại phần thứ 2 Mục IV của Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 01 để xác định mức độ khuyết tật, dạng tật cho đối tượng đảm bảo quy định. Trường hợp HĐXĐ mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật và dạng tật cho đối tượng hoặc đối tượng không đồng ý kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã thì UBND cấp xã giới thiệu đối tượng đi giám định y khoa tại Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

**II.** **NỘI DUNG CÂU HỎI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI**

**1. Nội dung câu hỏi:** Trường hợp người đang hưởng trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong, chế độ chính sách đối với đảng viên 50 năm tuổi đảng… đồng thời là một trong các nhóm đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thì có được hưởng đồng thời chế độ trợ cấp xã hội trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

- Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội đồng thời tại khoản 2, Điều 6 quy định *“Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau quy định tại khoản 1 Điều này hoặc tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất”.*

Hệ số quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chỉ để xác định mức trợ cấp, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Khác với chế độ, chính sách khác như: trợ cấp trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong, chế độ trợ cấp đối với đảng viên 50 năm tuổi đảng…. Do đó:

- Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng các mức theo hệ số khác nhau quy định tại Khoản 2 Điều 6 thì chỉ được hưởng mức theo hệ số cao nhất quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang hưởng chính sách: trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong, chế độ đối với đảng viên 50 năm tuổi đảng… thì thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng trừ trường hợp các văn bản có quy định khác.

**2. Nội dung câu hỏi:** Người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng đơn thân, đang mang thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo thì được hưởng những chính sách gì? Trường hợp cả vợ và chồng đều là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng người vợ đang mang thai và cùng đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì có được hưởng 02 suất hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định: *“Riêng người đơn thân nghèo đang nuôi con là đối tượng quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều 5 Nghị định này thì được hưởng cả chế độ đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5 và chế độ đối với đối tượng quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều 5 Nghị định này”.*

Như vậy, đối với trường hợp này, thì đối tượng được hưởng các chính sách như sau:

- Chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: hệ số 1.0 đối với mỗi một con đang nuôi *(quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).*

- Chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng: mức trợ cấp hằng tháng là hệ số 2.0 đối với NKT đặc biệt nặng và hệ số 1.5 đối với người khuyết tật nặng *(quy định tại điểm e khoản 1 Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).*

- Chính sách trợ cấp kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối với người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi: mức trợ cấp hằng tháng là: (1) Hệ số 1,5 đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi; (2) Hệ số 2,0 đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai và nuôi một con dưới 36 tháng tuổi hoặc nuôi hai con dưới 36 tháng tuổi trở lên *(quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).*

**3. Nội dung câu hỏi:** Trường hợp cả vợ và chồng đều là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng, người vợ đang mang thai và đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì có được hưởng 02 suất hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: Tường hợp cả vợ và chồng là người khuyết tật thuộc diện hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì chỉ được hưởng một suất hỗ trợ kinh phí chăm sóc.

**4. Nội dung câu hỏi:** Người khuyết tật đang chấp hành án tại cộng đồng (*án treo)* thì có được hưởng trợ cấp xã hội không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH: Trường hợp thi hành án ở trại giam thì không được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng. Nếu hưởng án treo thì vẫn được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

**5. Nội dung câu hỏi:** Người khuyết tật đang đi làm trong các doanh nghiệp hoặc các cơ quan, đơn vị nhà nước thì có được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng nếu được xác định là khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng hay không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Người khuyết tật: Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng được trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định.

- Tại khoản 1, Điều 51 Luật Người khuyết tật thì người khuyết tật đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thì không được hưởng chính sách quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật này.

Như vậy, người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng, đang đi làm có tiền lương, tiền công bao gồm cả những người đang tham gia bảo hiểm xã hội thì vẫn thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

**6. Nội dung câu hỏi:** Người đang hưởng lương hưu hoặc chế độ trợ cấp BHXH hằng tháng *(nếu bị tai biến bị liệt phải nằm một chỗ, không đi lại được hoặc bị bệnh hiểm nghèo dẫn đến suy giảm hoàn toàn chức năng lao động, sinh hoạt, học tập, cần có người trợ giúp hoàn toàn, v.v…),* người đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng thì có được xác định mức độ khuyết tật để hưởng chính sách đối với người khuyết tật không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Tại khoản 1 Điều 45 Luật Người khuyết tật quy định: *“Người khuyết tật đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thì không hưởng chính sách quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật này nhưng được hưởng chính sách quy định tại Luật này nếu pháp luật về người có công với cách mạng hoặc pháp luật về bảo hiểm xã hội chưa quy định”.*

Do vậy,Hội đồng xác định mức độ khuyết tật có trách nhiệm xác định mức độ khuyết tật đối với tất cả các trường hợp có đơn và hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật, bao gồm cả người đang hưởng lương hưu hoặc chế độ trợ cấp BHXH hằng tháng *(nếu bị tai biến bị liệt phải nằm một chỗ, không đi lại được hoặc bị bệnh hiểm nghèo dẫn đến suy giảm hoàn toàn chức năng lao động, sinh hoạt, học tập, cần có người trợ giúp hoàn toàn v.v…),* người đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Tuy nhiên, không giải quyết chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người khuyết tật mà chỉ giải quyết chế độ hỗ trợ kinh phí cho hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng *(nếu được xác định là mức độ khuyết tật đặc biệt nặng)* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

**7. Nội dung câu hỏi:** Tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: “Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng”; đồng thời tại Công văn số 690/BTXH-CSBTXH ngày 09/12/2021 của Cục Bảo trợ xã hội hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP hướng dẫn trẻ em dưới 03 tuổi là trẻ em dưới 36 tháng tuổi vậy trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp tới tháng thứ 35 hay tháng thứ 36?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Tại khoản d Điều 5 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định: *“Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng bị chết, không còn đủ điều kiện hưởng hoặc thay đổi điều kiện hưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thôi hưởng hoặc điều chỉnh mức hưởng. Thời gian thôi hưởng hoặc điều chỉnh mức hưởng từ tháng ngay sau tháng đối tượng chết, không đủ điều kiện hưởng hoặc thay đổi điều kiện hưởng”*. Như vậy, trẻ em dưới 03 tuổi được hưởng chính sách hết tháng thứ 36.

**III. NỘI DUNG CÂU HỎI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI**

**1. Nội dung câu hỏi:** Trường hợp người đang hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng đối với Trưởng ban công tác mặt trận thôn, trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong, trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc theo Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn điều chỉnh mức trợ cấp với cán bộ xã, già yếu đã nghỉ việc; công dân từ đủ 75 tuổi trở lên đang chăm sóc nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng, chăm sóc trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng: trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi; đồng thời là công dân từ đủ 75 tuổi trở lên có được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

- Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 176/2025/NĐ-CP quy định: công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ đủ 75 tuổi trở lên không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định tại Nghị định.

Như vậy, đối tượng là người đang nhận hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng quy định tại Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; người đang hưởng trợ cấp, phụ cấp đối với cán bộ xã, già yếu đã nghỉ việc theo Thông tư số 08/2024/TTBNV ngày 5/7/2024 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn điều chỉnh mức trợ cấp với cán bộ xã, già yếu đã nghỉ việc nhưng vẫn đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP thì vẫn được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP.

**2. Nội dung câu hỏi:** Đối tượng đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Tuy nhiên, đối tượng mới nộp hồ sơ trên Dịch vụ công, UBND cấp xã chưa ban hành Quyết định hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Vậy nếu đối tượng chết, có được hỗ trợ mai táng phí không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện**

Tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định: *“Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc người đã có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, đủ điều kiện hưởng nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chưa ban hành quyết định hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi chết thì được hỗ trợ chi phí mai táng theo mức quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội”.*

Do vậy, trường hợp đối tượng chưa có quyết định hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng nhưng đã nộp hồ sơ và đủ điều kiện được hưởng thì nếu chết vẫn được hỗ trợ chi phí mai táng phí theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

**3. Nội dung câu hỏi:** Thời điểm đối tượng đủ điều kiện nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện**

- Tại Điều 2 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định:*“Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:*

*- Công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi có đủ các điều kiện sau đây:*

*+ Từ đủ 75 tuổi trở lên;*

*+ Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định tại Nghị định này;*

*+ Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.*

*- Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này”.*

- Thời điểm “từ đủ 70 tuổi” hoặc “từ đủ 75 tuổi” được xác định theo ngày, tháng, năm sinh ghi trong tờ khai, căn cước công dân hoặc giấy khai sinh đến ngày, tháng, năm người đó đủ 70 tuổi hoặc đủ 75 tuổi *(Thời điểm người cao tuổi từ đủ 70 tuổi được tính từ ngày sinh nhật lần thứ 70 và người cao tuổi từ đủ 75 tuổi được tính từ ngày sinh nhật lần thứ 75 với điều kiện ngày sinh nhật phải theo căn cước công dân hoặc Giấy khai sinh)*. Như vậy, tại thời điểm đó, đối tượng mới đủ điều kiện nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định.

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện: Công văn số 4360/SYT-BTXHTE ngày 21/7/2025 của Sở Y tế về việc hướng dẫn một số nội dung về thực hiện chính sách hưu trí xã hội.

**IV. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC**

**1. Nội dung câu hỏi:** Người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất BHXH hằng tháng thì khi chết có được hỗ trợ chi phí mai táng phí không? Chế độ mai táng phí thực hiện như thế nào thực hiện theo Nghị định số 176/20225/NĐ-CP hay Nghị định số 20/2021/NĐ-CP?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện**

- Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thì*: “Người từ đủ 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp hàng tháng khác”* khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng phí.

Do vậy, đối với trường hợp người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất BHXH hằng tháng, khi chết vẫn được hưởng hỗ trợ chi phí mai táng phí bằng 20 lần mức chuẩn TGXH *(theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP).* Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

**2. Nội dung câu hỏi:** Một số đối tượng tại điểm b, c khoản 5 Điều 5 của Nghị định 20/2021/NĐ-CP chết trước 01/7/2025, nhưng nay mới làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng thì có được giải quyết không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Căn cứ Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang còn hiệu lực”, do đó: đối với các trường hợp NCT thuộc điểm b, c Điều 5 khoản 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chết trước ngày 01/7/2025 vẫn được xem xét để hỗ trợ chi phí hỏa táng theo Nghị quyết số 249/2022/NQ-HĐND và từ ngày 01/7/2025 trở đi các đối tượng này (NCT thuộc điểm b,c Điều 5 khoản 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chuyển sang chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP) sẽ không được hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**3. Nội dung câu hỏi:** Đối tượng hưởng chính sách trợ cấp hưu trí xã hội khi chết có được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng không?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 11/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh quy định các đối tượng sau được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng: “*Người chết có hộ khẩu thường trú tại các xã miền núi, các thôn, xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo); người chết thuộc hộ cận nghèo, người đang hưởng chính sách trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng thuộc các xã, phường đồng bằng, ven biển theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội”.* Theo quy định nêu trên thì đối tượng đang hưởng chính sách trợ cấp hưu trí xã hội khi chết không được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng.

4. Nội dung câu hỏi: Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp lấy từ nguồn nào?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định: Kinh phí thực hiện trợ giúp khẩn cấp bao gồm: (1) Ngân sách địa phương tự cân đối theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; (2) Trợ giúp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho địa phương hoặc thông qua cơ quan, tổ chức. Do vậy, hằng năm các đơn vị dự toán kinh phí thực hiện trợ giúp khẩn cấp theo quy định của Luật Ngân sách.

 Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại nặng và các nguồn kinh phí của địa phương không đủ để thực hiện trợ giúp khẩn cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, quyết định hỗ trợ đảm bảo quy định *(quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ).*

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện: Công văn số 5805/SYT-BTXHTE ngày 10/9/2025 của Sở Y tế về việc thực hiện chính sách hỗ trợ đột xuất theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

**PHẦN 2. LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH**

**1. Nội dung câu hỏi:** Việc phối hợp thực hiện công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm thực hiện như thế nào?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Căn cứ theo Điều 4 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 quy định phòng chống bệnh truyền nhiễm thực hiện theo những nguyên tắc sau:

- Lấy phòng bệnh là chính trong đó thông tin, giáo dục, truyền thông, giám sát bệnh truyền nhiễm là biện pháp chủ yếu. Kết hợp các biện pháp chuyên môn kỹ thuật y tế với các biện pháp xã hội, hành chính trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

- Thực hiện việc phối hợp liên ngành và huy động xã hội trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm; lồng ghép các hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Công khai, chính xác, kịp thời thông tin về dịch.

- Chủ động, tích cực, kịp thời, triệt để trong hoạt động phòng, chống dịch.

**2. Nội dung câu hỏi:** Trách nhiệm giám sát bệnh truyền nhiễm và chế độ báo cáo giám sát bệnh truyền nhiễm?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

\* Chế độ báo cáo giám sát bệnh truyền nhiễm được quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm gồm:

a) Báo cáo định kỳ;

b) Báo cáo nhanh;

c) Báo cáo đột xuất.

\* Trách nhiệm giám sát bệnh truyền nhiễm quy định tại Điều 23 Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm như sau:

- Uỷ ban nhân dân các cấp chỉ đạo, tổ chức thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm tại địa phương.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế có trách nhiệm giúp Uỷ ban nhân dân cùng cấp trong việc chỉ đạo các cơ sở y tế giám sát bệnh truyền nhiễm.

- Cơ sở y tế có trách nhiệm thực hiện hoạt động giám sát bệnh truyền nhiễm. Khi phát hiện môi trường có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, người mang mầm bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, cơ sở y tế phải thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế, triển khai vệ sinh, khử trùng, tẩy uế và các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm khác.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện bệnh hoặc dấu hiệu bệnh truyền nhiễm có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn y tế hoặc cơ sở y tế nơi gần nhất.

- Trong quá trình thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm, cơ sở xét nghiệm có trách nhiệm thực hiện việc xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền.

Như vậy, UBND xã, phường chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn quản lý. Trạm y tế có trách nhiệm tham mưu cho UBND cấp xã; TTYT trên địa bàn được Sở Y tế phân công tại Công văn số 4221/SYT-NVYD ngày 14/7/2025 có trách nhiệm phối hợp UBND cấp xã trong việc tổ chức giám sát dịch tại địa phương.

**3. Nội dung câu hỏi: Bệnh truyền nhiễm theo quy định hiện nay được phân loại như thế nào**?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Căn cứ tại Điều 3 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 bổ sung bởi Điều 1 Quyết định số 740/QĐ-BYT ngày 02/03/2016 của Bộ Y tế quy định phân loại bệnh truyền nhiễm như sau:

1. Bệnh truyền nhiễm gồm các nhóm sau đây:

a) Nhóm A gồm các bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm có khả năng lây truyền rất nhanh, phát tán rộng và tỷ lệ tử vong cao hoặc chưa rõ tác nhân gây bệnh, bao gồm: bệnh bại liệt; bệnh cúm A-H5N1; bệnh dịch hạch; bệnh đậu mùa; bệnh sốt xuất huyết do vi rút Ebola, Lassa hoặc Marburg; bệnh sốt Tây sông Nile; bệnh sốt vàng; bệnh tả; bệnh viêm đường hô hấp cấp nặng do vi rút và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới phát sinh chưa rõ tác nhân gây bệnh;

b) Nhóm B gồm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có khả năng lây truyền nhanh và có thể gây tử vong, bao gồm: bệnh do vi rút Adeno; bệnh HIV/AIDS; bệnh bạch hầu; bệnh cúm; bệnh dại; bệnh ho gà; bệnh lao phổi; bệnh do liên cầu lợn ở người; bệnh lỵ Amibe; bệnh lỵ trực trùng; bệnh quai bị; bệnh sốt Dengue, sốt xuất huyết Dengue; bệnh sốt rét; bệnh sốt phát ban; bệnh sởi; bệnh tay-chân-miệng; bệnh than; bệnh thủy đậu; bệnh thương hàn; bệnh uốn ván; bệnh Rubeon; bệnh viêm gan vi rút; bệnh viêm màng não do não mô cầu; bệnh viêm não vi rút; bệnh xoắn khuẩn vàng da; bệnh tiêu chảy do vi rút Rota;

- Bổ sung bệnh do vi rút Zika vào danh Mục các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 740/QĐ-BYT ngày 02/03/2016 của Bộ Y tế.

c) Nhóm C gồm các bệnh truyền nhiễm ít nguy hiểm, khả năng lây truyền không nhanh, bao gồm: bệnh do Chlamydia; bệnh giang mai; các bệnh do giun; bệnh lậu; bệnh mắt hột; bệnh do nấm Candida albicans; bệnh Nocardia; bệnh phong; bệnh do vi rút Cytomegalo; bệnh do vi rút Herpes; bệnh sán dây; bệnh sán lá gan; bệnh sán lá phổi; bệnh sán lá ruột; bệnh sốt mò; bệnh sốt do Rickettsia; bệnh sốt xuất huyết do vi rút Hanta; bệnh do Trichomonas; bệnh viêm da mụn mủ truyền nhiễm; bệnh viêm họng, viêm miệng, viêm tim do vi rút Coxsakie; bệnh viêm ruột do Giardia; bệnh viêm ruột do Vibrio Parahaemolyticus và các bệnh truyền nhiễm khác.

**4. Nội dung câu hỏi:** Thẩm quyền tham mưu tổ chức triển khai các hoạt động đáp ứng phòng chống bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn như thế nào?

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Theo theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 17/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm do cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**5.** **Nội dung câu hỏi: Thẩm quyền thực hiện các biện pháp phòng bệnh của UBND cấp xã theo quy định hiện nay như thế nào?**

**Hướng dẫn thực hiện/Gợi ý thực hiện:**

Thẩm quyền thực hiện các biện pháp phòng bệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp xã theo quy định tại  khoản 1 Điều 25 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế như sau:

a) Tiếp nhận, lập dự kiến nhu cầu vắc xin của cơ sở thực hiện tiêm chủng mở rộng trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng được sửa đổi, bổ sung năm 2018 và năm 2024;

b) Xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù;

c) Xem xét, quyết định việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng trong vùng có dịch trên cơ sở đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 101/2010/NĐ-CP;

d) Chỉ đạo việc được đăng tải trên hệ thống truyền thanh của xã với tần suất 03 lần/ngày trong thời gian 07 ngày liên tục đối với quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc áp dụng hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng và biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 101/2010/NĐ-CP;

đ) Quyết định mức thưởng đối với cuộc thi cấp xã: Giải tập thể tối đa 5.000.000 đồng/giải thưởng; giải cá nhân tối đa 2.000.000 đồng/giải thưởng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

e) Tổ chức việc thực hiện biện pháp tăng cường quản lý và bảo đảm an toàn thực phẩm đối với sản xuất rượu thủ công trên địa bàn quản lý theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP;

g) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thực hiện phòng, chống tác hại của rượu, bia hằng năm thuộc địa bàn quản lý theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 25 Nghị định số 24/2020/NĐ-CP./.